

**DANH SÁCH HỌC SINH CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020 ĐẾN NGÀY 10/06/2020**

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Công nợ học phí	Công nợ thu khác	Tổng công nợ	GHI CHÚ
1	18005264	Hà Võ	Phương Anh	18T4-TKĐ1	5,904,000	140,000	6,044,000	
2	18001274	Lương Ngọc	Hoa Ban	18T4-TKĐ1	5,904,000	140,000	6,044,000	
3	18000519	Trương Gia	Bảo	18T4-TKĐ1	5,904,000	140,000	6,044,000	
4	18001102	Mai Hữu	Danh	18T4-TKĐ1	5,904,000	140,000	6,044,000	
5	18000434	Hồng Châu	Hoàn	18T4-TKĐ1	5,904,000	140,000	6,044,000	
6	18001058	Hoàng Hữu Quốc	Huy	18T4-TKĐ1	5,904,000	140,000	6,044,000	
7	18000375	Vũ Anh	Kiệt	18T4-TKĐ1	5,904,000	140,000	6,044,000	
8	18000552	Lê Minh	Mẫn	18T4-TKĐ1	5,904,000	140,000	6,044,000	
9	18001334	Nguyễn Công	Nghĩa	18T4-TKĐ1	5,904,000	140,000	6,044,000	
10	18000717	Đỗ Hồng Thái	Ngọc	18T4-TKĐ1	5,904,000	335,000	6,239,000	
11	18000450	Phạm Minh	Nhật	18T4-TKĐ1	5,904,000	140,000	6,044,000	
12	18001190	Nguyễn Hùng	Phát	18T4-TKĐ1	5,904,000	140,000	6,044,000	
13	18000737	Nguyễn Tấn	Phát	18T4-TKĐ1	5,904,000	140,000	6,044,000	
14	18005711	Hoàng	Phú	18T4-TKĐ1	5,904,000	140,000	6,044,000	
15	18000802	Nguyễn Ngọc	Tài	18T4-TKĐ1	-	50,000	50,000	Số Liên lạc ĐT
16	18000832	Nguyễn Nhật	Tân	18T4-TKĐ1	5,904,000	140,000	6,044,000	
17	18000992	Lê Hoàng	Thiện	18T4-TKĐ1	5,904,000	140,000	6,044,000	
18	18001292	Nguyễn Hà Phú	Thịnh	18T4-TKĐ1	5,904,000	140,000	6,044,000	
19	18001056	Nguyễn Ngọc Thành	Trí	18T4-TKĐ1	5,904,000	140,000	6,044,000	
20	18000731	Nguyễn Hoàng Xuân	Trường	18T4-TKĐ1	5,904,000	140,000	6,044,000	
21	18001067	Trần Hùng	Văn	18T4-TKĐ1	5,904,000	140,000	6,044,000	
22	18001197	Nguyễn Lê Tường	Vy	18T4-TKĐ1	5,904,000	140,000	6,044,000	
				22				